

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
Tỉnh Thái Bình**

Bản án số: 06 /2023/HNGĐ- ST

Ngày: 11/01/2023

V/v: “ Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Linh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Văn Quảng.

2. Bà Tô Thị Hương.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải tham gia phiên tòa:* Bà Trần Quỳnh Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 181/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2022 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXX- ST ngày 09/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Thanh H, sinh năm 1990

Địa chỉ: B10, Phường T, quận C, Thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn B, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện H, Thái Bình.

(Chị H có mặt; Anh B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trịnh Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh B kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T, quận C, thành phố Hà Nội ngày 08/5/2014. Sau khi kết hôn, chị H và anh B chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, anh B không quan tâm đến vợ con, không có trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng con cái. Từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay chị H và anh B

sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải giải quyết cho chị H được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị H và anh B có 02 con chung là Trần Khải P, sinh ngày 24/02/2016 và Trần Tố Y, sinh ngày 19/11/2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay hai con chung sống cùng chị H. Sau khi ly hôn, chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản chung, công nợ: Không có.

Bị đơn là anh Trần Văn B vắng mặt tại phiên tòa và không có lời khai

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2022, ông Trần Văn B1 là bố đẻ anh Trần Văn B trình bày: Anh B và chị H tự nguyện tìm hiểu, kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận C, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn anh B và chị H lên Hà Nội làm ăn, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do vấn đề kinh tế. Hiện tại anh B và chị H sống ly thân. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh B, nguyện vọng của gia đình ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ, gia đình ông theo đạo công giáo nên việc ly hôn là không được phép. Anh B đang làm việc trong Miền Nam, ông B1 không nắm được địa chỉ cụ thể. Anh B biết chị H xin ly hôn anh B nhưng vì lý do công việc và theo đạo nên anh B không đến Tòa án làm việc

Về con chung: Anh B và chị H có 02 con chung là Trần Khải P, sinh năm 2016 và Trần Tố Y, sinh năm 2018. Hai con chung đang sống cùng chị H.

Về tài sản chung, công nợ: Không có.

Tại biên bản xác minh ngày 21/11/2022, Ủy ban nhân xã N cung cấp như sau: Anh Trần Văn B có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình. Gia đình anh B theo đạo công giáo. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc xin ly hôn giữa chị H và anh B theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với nguyên đơn chấp hành chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có lời khai và không tham gia phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Trịnh Thị Thanh H được ly hôn với anh Trần Văn B; Về con chung: Giao 02 con chung Trần Khải P, sinh ngày 24/02/2016 và Trần Tố Y, sinh ngày 19/11/2018 cho chị Trịnh Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Trịnh Thị Thanh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Trần Văn B có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa chị Trịnh Thị Thanh H và anh Trần Văn B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Thanh H và anh Trần Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận C, thành phố Hà Nội. Tại thời điểm kết hôn, chị H và anh B đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H và anh B chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh B vì tình cảm vợ chồng không còn. Bị đơn là anh B đã được Tòa án giao, gửi Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh B không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của anh B về việc chị H xin ly hôn anh B. Mặt khác, từ năm 2019 cho đến nay chị H và anh B không chung sống cùng nhau, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Như vậy, hôn nhân của chị H và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh B là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh B có 02 con chung là Trần Khải P, sinh ngày 24/02/2016 và Trần Tố Y, sinh ngày 19/11/2018. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị H không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Xét thấy, từ khi chị H và anh B không chung sống cùng nhau cho đến nay, cả hai con của chị H và anh B là cháu Phong và cháu Uyên sống cùng chị H, mặt khác anh B không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì về nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để tạo điều kiện cho việc sinh hoạt và học tập ổn định của cháu Phong và cháu Uyên. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao 02 con chung của chị H và anh B là cháu Trần Khải P và Trần Tố Y cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ: Không giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị Trịnh Thị Thanh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị Thanh H được ly hôn với anh Trần Văn B.

2/ Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung Trần Khải P, sinh ngày 24/02/2016 và Trần Tố Y, sinh ngày 19/11/2018. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

Anh Trần Văn B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung, công nợ: Không giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Trịnh Thị Thanh H phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0002517 ngày 20/10/2022.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/01/2023).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- UBND Phường T, quận C;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chu Thị Linh